



Hà nội, ngày 4 tháng 9 năm 2007

## QUY ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ SỬ DỤNG MÃ MÔN HỌC

Thực hiện kết luận của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) tại phiên họp Ban Chỉ đạo thực hiện phương thức đào tạo theo tín chỉ (công văn số 1948/ĐT ngày 17/11/2006) và nhằm mục tiêu thống nhất phương thức tổ chức và quản lý đào tạo theo tín chỉ, áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý điều hành, ĐHQGHN quy định việc xây dựng và sử dụng mã môn học trong chương trình đào tạo hệ THPT chuyên, đại học và sau đại học như sau:

### 1. Yêu cầu chung về xây dựng mã môn học

a. Tạo điều kiện liên thông trong tổ chức đào tạo ở ĐHQGHN và ngoài ĐHQGHN;

b. Người học dễ hiểu, dễ tra cứu lựa chọn môn học, liên hệ, đăng ký học tập; giảng viên dễ tra cứu theo dõi hệ thống môn học trong chương trình đào tạo; cán bộ quản lý dễ liên hệ, phối hợp tổ chức dạy học, kiểm tra đánh giá và quản lý đào tạo; Dễ áp dụng trong các phần mềm quản lý đào tạo và quản lý người học của ĐHQGHN;

c. Phù hợp với thông lệ quốc tế (áp dụng rộng rãi ở các trường đại học có uy tín trên thế giới).

### 2. Nguyên tắc xây dựng mã môn học

a. Nhận diện được đơn vị chịu trách nhiệm tổ chức dạy học: khoa đối với trường Đại học thành viên hoặc bộ môn đối với Khoa trực thuộc; Viện hoặc Trung tâm trực thuộc được ĐHQGHN cho phép tổ chức đào tạo các bậc học;

b. Nhận diện được bậc đào tạo: Trung học phổ thông chuyên, cử nhân, thạc sĩ và tiến sĩ;

c. Nhận diện được môn học thuộc khối kiến thức nhất định trong chương trình đào tạo: **Đối với THPT chuyên là khối kiến thức lớp 10, 11 và 12; Đối với đại học và sau đại học là khối kiến thức chung, cơ bản, cơ sở, chuyên ngành, nghiệp vụ, thực tập thực tế, chuyên đề, khóa luận, luận văn, luận án.**

### 3. Cấu trúc, nội dung mã môn học

#### 3.1. Cấu trúc

Mã môn học được xây dựng gồm 7 ký tự:  $X_1 X_2 X_3 X_4 X_5 X_6 X_7$

Trong đó:  $X_1 X_2 X_3$  : Là 3 chữ cái trong tên tiếng Anh của đơn vị chịu trách nhiệm quản lý môn học.

$X_4$  : Là mã bậc đào tạo.

$X_5 X_6 X_7$  : Là số thứ tự môn học

### 3.2. Nội dung

#### 3.2.1. Đơn vị chịu trách nhiệm quản lý môn học ( $X_1 X_2 X_3$ )

Các đơn vị chịu trách nhiệm quản lý môn học được quy định mã viết tắt như trong bảng dưới đây:

STT	Đơn vị chịu trách nhiệm quản lý môn học	Tên tiếng Anh	Mã đơn vị
<b>I</b>	<b>Trường ĐH KHTN</b>	<b>College of Science</b>	<b>COS</b>
1	Khoa Toán - Cơ - Tin học	Department of Mathematics, Mechanics, Informatics	MAT
2	Khoa Vật lý	Department of Physics	PHY
3	Khoa Hóa học	Department of Chemistry	CHE
4	Khoa Sinh học	Department of Biology	BIO
5	Khoa Địa lý	Department of Geography	GEO
6	Khoa Địa chất	Department of Geology	GLO
7	Khoa Khí tượng - Thủy văn - Hải dương học	Department of Hydro-Meteorology and Oceanography	HMO
8	Khoa Môi trường	Department of Environmental Science	EVS
9	Bộ môn Ngoại ngữ	Division of Foreign Languages	FLS
10	Bộ môn Giáo dục thể chất	Division of Physical Education	PES
11	THPT chuyên Toán	School for Gifted in Mathematics	GMS
12	THPT chuyên Tin	School for Gifted in Informatics	GIS
13	THPT chuyên Lý	School for Gifted in Physics	GPS
14	THPT chuyên Hoá	School for Gifted in Chemistry	GCS
15	THPT chuyên Sinh	School for Gifted in Biology	GBS
<b>II</b>	<b>Trường ĐH KHXH-NV</b>	<b>College of Social Sciences and Humanities</b>	<b>CSH</b>
16	Khoa Báo chí	Department of Journalism	JOU
17	Khoa Du lịch	Department of Tourism	TOU
18	Khoa Đông phương học	Department of Oriental Studies	ORS
19	Khoa Ngôn ngữ học	Department of Linguistics	LIN
20	Khoa Khoa học Quản lý	Department of Management Science	MNS
21	Khoa Lịch sử	Department of History	HIS
22	Khoa Lưu trữ và Quản trị văn phòng	Department of Archive and Office Management	ARO
23	Khoa Quốc tế học	Department of International Studies	ITS
24	Khoa Tâm lý học	Department of Psychology	PSY
25	Khoa Thông tin thư viện	Department of Library and Information Science	LIB
26	Khoa Triết học	Department of Philosophy	PHI
27	Khoa Tiếng Việt và Văn hóa VN cho người nước ngoài	Department of Vietnamese Languages and Culture for Foreigners	VLC
28	Khoa Văn học	Department of Literature	LIT
29	Khoa Xã hội học	Department of Sociology	SOC
30	Bộ môn Khoa học chính trị	Division of Political Science	POL

31	Bộ môn Tiếng nước ngoài	Division of Foreign Languages	FLH
32	Bộ môn Giáo dục thể chất	Division of Physical Education	PEH
<b>III</b>	<b>Trường Đại học Ngoại ngữ</b>	<b>College of Foreign Languages</b>	<b>CFL</b>
33	Khoa Ngôn ngữ và Văn hoá Anh - Mỹ	Department of English – American Language and Culture	ENG
34	Khoa Ngôn ngữ và Văn hoá Nga	Department of Russian Language and Culture	RUS
35	Khoa Ngôn ngữ và Văn hoá Trung Quốc	Department of Chinese Language and Culture	CHI
36	Khoa Ngôn ngữ và Văn hoá Pháp	Department of French Language and Culture	FRE
37	Khoa Ngôn ngữ và Văn hoá Phương Tây	Department of Western European Language and Culture	WES
38	Khoa Ngôn ngữ và Văn hoá Phương Đông	Department of Oriental Language and Culture	OLC
39	Khoa Ngoại ngữ chuyên ngành	Department of Foreign Languages for Specific Purposes	FLF
40	Khoa Sau đại học	Department of Graduate Studies	GSF
41	Khoa Tại chức	Department of Continuing Education	CON
42	Bộ môn Chính trị Mác-Lênin	Division of Political Mark-Lenin Theory	PML
43	Bộ môn Ngôn ngữ và Văn hoá Việt Nam	Division of Vietnamese Languages and Culture	VLF
44	Bộ môn Tâm lý - Giáo dục	Division of Educational Psychology	PSF
45	Bộ môn Giáo dục thể chất	Division of Physical Education	PEF
46	Bộ môn Tin học	Division of Informatics	INN
47	Trung tâm đào tạo từ xa	Centre for Distance Education	DEF
48	Trường THPT chuyên ngữ	School for Gifted in Foreign Languages	GFL
<b>IV</b>	<b>Trường Đại học Công nghệ</b>	<b>College of Technology</b>	<b>COT</b>
49	Khoa Công nghệ Thông tin	Department of Information Technology	INT
50	Khoa Điện tử - Viễn thông	Department of Electronics and Telecommunications	ELT
51	Khoa Vật lý kỹ thuật và Công nghệ Nano	Department of Engineering Physics and Nanotechnology	EPN
52	Khoa Cơ học kỹ thuật và Tự động hoá	Department of Engineering Mechanics and Automatization	EMA
<b>V</b>	<b>Trường Đại học Kinh tế</b>	<b>College of Economics</b>	<b>COE</b>
53	Khoa Kinh tế chính trị	Department of Political Economy	PEC
54	Khoa Kinh tế quốc tế	Department of International Economics	INE
55	Khoa Tài chính ngân hàng	Department of Finance and Banking	FIB
56	Khoa Quản trị kinh doanh	Department of Business Administration	BSA
<b>VI</b>	<b>Khoa Luật</b>	<b>Faculty of Law</b>	<b>FOE</b>
57	Bộ môn Lý luận - Hiến pháp - Hành chính	Department of Theoretical - Administrative & Constitutional Law	ASL
58	Bộ môn Tư pháp hình sự	Department of Criminal Law	CRL
59	Bộ môn Tư pháp dân sự	Department of Civil Law	CIL
60	Bộ môn Luật Quốc tế	Department of International Law	INL
61	Bộ môn Luật kinh doanh	Department of Business Law	BSL

<b>VII</b>	<b>Khoa Sư phạm</b>	<b>Faculty of Education</b>	<b>FED</b>
62	Bộ môn Tâm lý học - Giáo dục	Division of Psychology - Education	PSE
63	Bộ môn Quản lý giáo dục	Division of Educational Management	EDM
64	Bộ môn Phương pháp và Công nghệ dạy học	Division of Teaching Methodology and Technology	TMT
65	Bộ môn Giáo dục đại học và chuyên nghiệp	Division of Professional and Higher Education	PHE
<b>VIII</b>	<b>Khoa Quản trị kinh doanh</b>	<b>School of Business</b>	<b>HSB</b>
<b>IX</b>	<b>Khoa Sau đại học</b>	<b>School of Graduate Studies</b>	<b>SGS</b>
<b>X</b>	<b>Khoa Quốc tế</b>	<b>International School</b>	<b>INS</b>
<b>XI</b>	<b>Viện Công nghệ thông tin</b>	<b>Information Technology Institute</b>	<b>ITI</b>
<b>XII</b>	<b>Viện Việt Nam học và KH phát triển</b>	<b>Institute of Vietnamese Studies and Development Sciences</b>	<b>IVS</b>
<b>XIII</b>	<b>Viện VSV và CN sinh học</b>	<b>Institute of Microbiology and Biotechnology</b>	<b>IMB</b>
<b>XIV</b>	<b>Trung tâm nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường</b>	<b>Centre for Natural Resources and Environmental Studies</b>	<b>CRE</b>
<b>XV</b>	<b>Trung tâm Đào tạo, bồi dưỡng giảng viên lý luận chính trị</b>	<b>Training Centre for Teachers of Political Theory</b>	<b>CTP</b>
<b>XVI</b>	<b>Trung tâm Đảm bảo chất lượng đào tạo và nghiên cứu phát triển giáo dục</b>	<b>Centre for Educational Quality Assurance and Research Development</b>	<b>CEQ</b>
<b>XVII</b>	<b>Trung tâm Công nghệ đào tạo và hệ thống việc làm</b>	<b>Centre for Training Technology and Employment Systems</b>	<b>TES</b>
<b>XVII I</b>	<b>Trung tâm Hỗ trợ NC châu á</b>	<b>Asia Research Centre</b>	<b>ARC</b>
<b>XIX</b>	<b>Trung tâm Phát triển hệ thống</b>	<b>Centre for Systems Development</b>	<b>CSD</b>
<b>XX</b>	<b>Trung tâm GD Quốc phòng</b>	<b>Centre for Military Education</b>	<b>CME</b>

### 3.2.2. *Bậc đào tạo (X<sub>4</sub>)*

Bậc đào tạo được quy định theo mã như sau:

- Hệ THPT chuyên: 0
- Bậc cử nhân: 1 – 4
- Bậc thạc sĩ: 5 – 7
- Bậc tiến sĩ: 8 – 9

### 3.2.3. *Số thứ tự môn học (X<sub>5</sub> X<sub>6</sub> X<sub>7</sub>)*

Số thứ tự môn học được quy định theo mã như sau:

#### a. Đối với hệ THPT chuyên

- Khối lớp 10: Từ 001 đến 099
- Khối lớp 11: Từ 100 đến 199
- Khối lớp 12: Từ 200 đến 299

#### b. Đối với bậc cử nhân

- Các môn học thuộc khối kiến thức chung: Từ 001 đến 049
- Các môn học thuộc khối kiến thức cơ bản: Từ 050 đến 099
- Các môn học thuộc khối kiến thức cơ sở: Từ 001 đến 099
- Các môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành: Từ 001 đến 199
- Các môn học thuộc khối kiến thức nghiệp vụ, thực tập, thực tế: Từ 001 đến 049
- Tiểu luận, khóa luận tốt nghiệp: Từ 050 đến 099

c. Đối với bậc thạc sĩ

- Các môn học thuộc khối kiến thức chung: Từ 001 đến 099
- Các môn học thuộc khối kiến thức cơ sở: Từ 001 đến 099
- Các môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành: Từ 001 đến 199
- Luận văn tốt nghiệp: Từ 200 đến 250

d. Đối với bậc tiến sĩ

- Các chuyên đề: Từ 001 đến 199
- Luận án tiến sĩ: Từ 001 đến 050

### 3.3. Mã môn học của ĐHQGHN

Môn học trong tất cả các khung chương trình đào tạo của ĐHQGHN đều có mã riêng được xây dựng theo cơ sở, nguyên tắc và quy định ở trên.

### 4. Sử dụng mã môn học

Mã môn học được sử dụng thống nhất toàn ĐHQGHN từ năm học 2007-2008 trở đi.

Khi xây dựng chương trình đào tạo mới, nâng cấp và điều chỉnh các khung chương trình đào tạo hiện có, các đơn vị đào tạo cần căn cứ quy định này để xác định mã môn học cho các môn học mới.

Sau khi có quyết định thành lập đơn vị mới (bộ môn, khoa, trung tâm, viện, trường đại học, ...) cần dịch tên đơn vị sang tiếng Anh và báo cáo cho Văn phòng ĐHQGHN để các bộ phận liên quan xác định mã của đơn vị trong mã môn học.

**KT. Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội**  
**Phó giám đốc**

(đó ký)

**GS.TS. Mai Trọng Nhuận**

**Nơi nhận:**

- Giám đốc Đào Trọng Thi (để báo cáo)

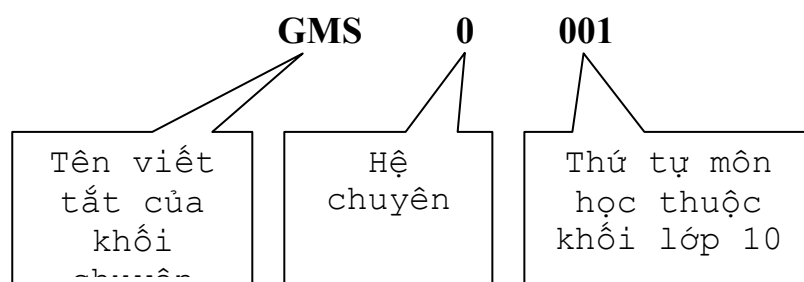
- Các đơn vị đào tạo
- Lưu Ban ĐT, VP

## Phụ lục 1. Mã môn học hệ THPT chuyên

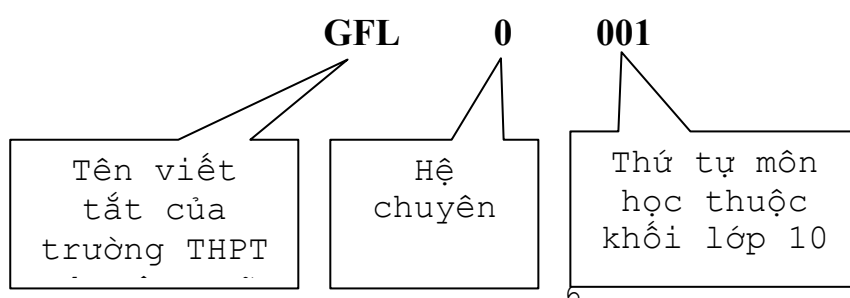
STT	Tên môn học	Mã môn học	STT	Tên môn học	Mã môn học
01	Toán học lớp 10	GMS 0001	01	Toán học lớp 10	GFL 0001
02	Toán học lớp 11	GMS 0101	02	Toán học lớp 11	GFL 0101
03	Toán học lớp 12	GMS 0201	03	Toán học lớp 12	GFL 0201
04	Địa lý lớp 10	GMS 0008	04	Địa lý lớp 10	GFL 0008
05	Địa lý lớp 11	GMS 0108	05	Địa lý lớp 11	GFL 0108
06	Địa lý lớp 12	GMS 0208	06	Địa lý lớp 12	GFL 0208
...			...		
...			...		

Ghi chú:

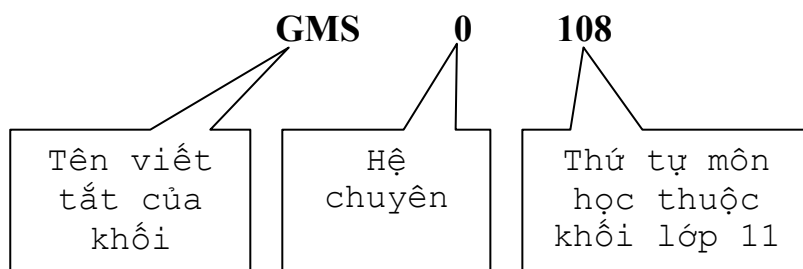
Ví dụ 1: Môn học *Toán học thuộc chương trình đào tạo lớp 10 hệ THPT chuyên do khối chuyên Toán trường ĐHKHTN phụ trách*, có mã môn học là: GMS 0001



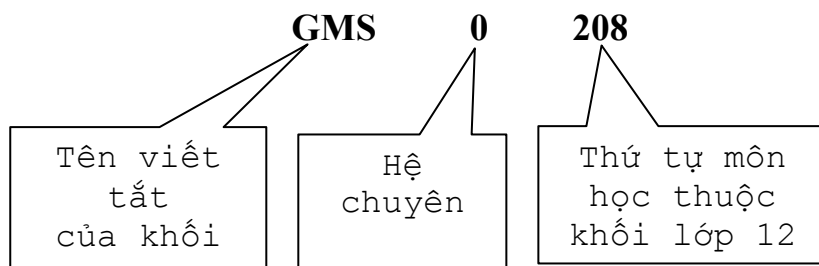
Ví dụ 2: Môn học *Toán học thuộc chương trình đào tạo lớp 10 hệ THPT chuyên do trường THPT chuyên ngữ của trường ĐHNN phụ trách*, có mã môn học là: GFL 0001



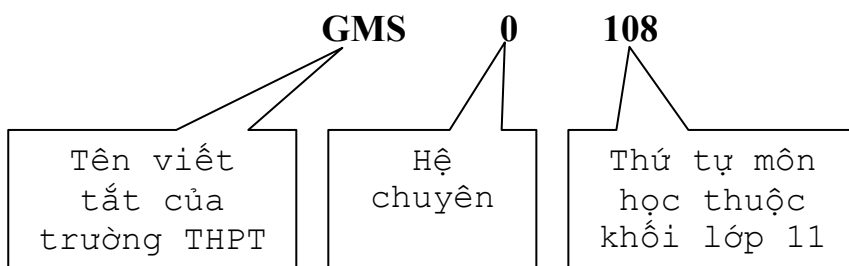
Ví dụ 3: Môn học *Địa lý* thuộc chương trình đào tạo lớp 11 hệ THPT chuyên do khối chuyên Toán trường ĐHKHTN phụ trách, có mã môn học là: GMS 0108



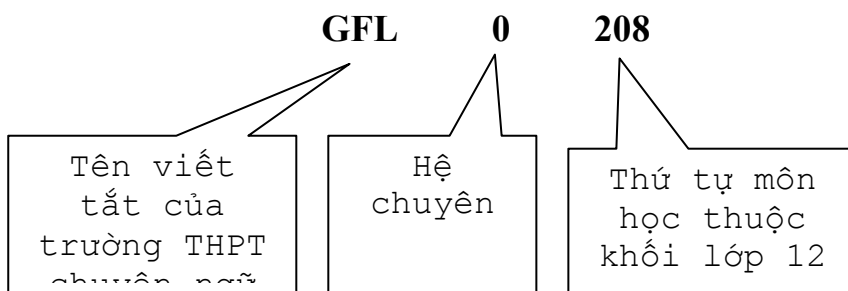
Ví dụ 4: Môn học *Địa lý* thuộc chương trình đào tạo lớp 12 hệ THPT chuyên do khối chuyên Toán trường ĐHKHTN phụ trách, có mã môn học là: GMS 0208



Ví dụ 5: Môn học *Địa lý* thuộc chương trình đào tạo lớp 11 hệ THPT chuyên do trường THPT chuyên ngữ của trường ĐHNN phụ trách, có mã môn học là: GFL 0108



Ví dụ 6: Môn học *Địa lý* thuộc chương trình đào tạo lớp 12 hệ THPT chuyên do trường THPT chuyên ngữ của trường ĐHNN phụ trách, có mã môn học là: GFL 0208

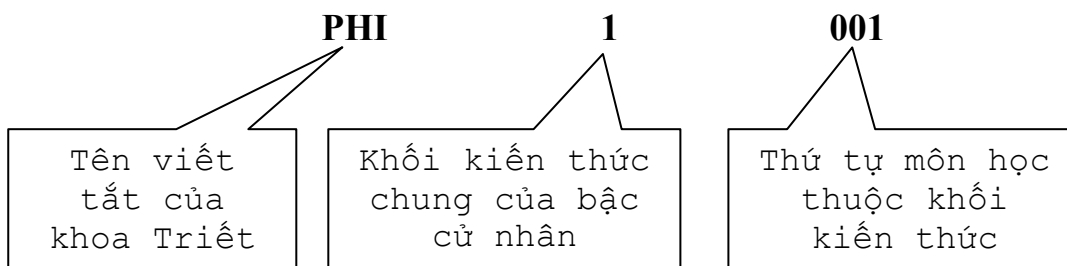


## Phụ lục 2. Mã môn học bậc cử nhân

STT	Tên môn học	Mã môn học
01	Triết học Mác Lênin	PHI 1001
02	Giải tích 1	MAT 1065
03	Hàm phức	MAT 2045
04	Tổ hợp	MAT 3082
05	Khóa luận tốt nghiệp	MAT 4070
06	Tin học 1	INT 1040
07	Tâm lý học đại cương	PSY 1060
08	Văn học dân gian Việt Nam	LIT 2080
09	Thi pháp Lỗ Tấn	LIT 3170
10	Khóa luận tốt nghiệp	LIT 4045
...		
...		

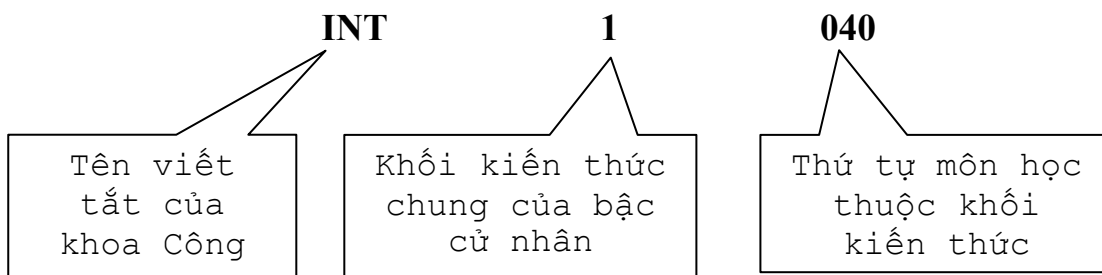
Ghi chú:

Ví dụ 1: Môn học *Triết học Mác Lênin* thuộc khối kiến thức chung của chương trình đào tạo cử nhân do khoa *Triết học* trường *ĐHKHXH-NV* phụ trách, có mã môn học là: PHI 1001

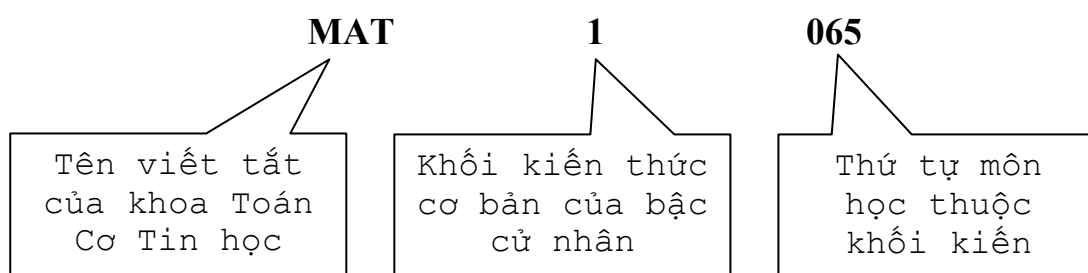




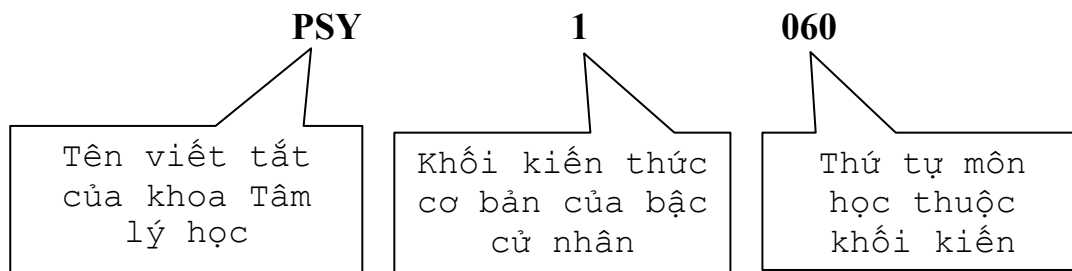
Ví dụ 2: Môn học *Tin học thuộc khối kiến thức chung của chương trình đào tạo cử nhân do khoa Công nghệ thông tin của trường ĐHCN phụ trách*, có mã môn học là: INT 1040



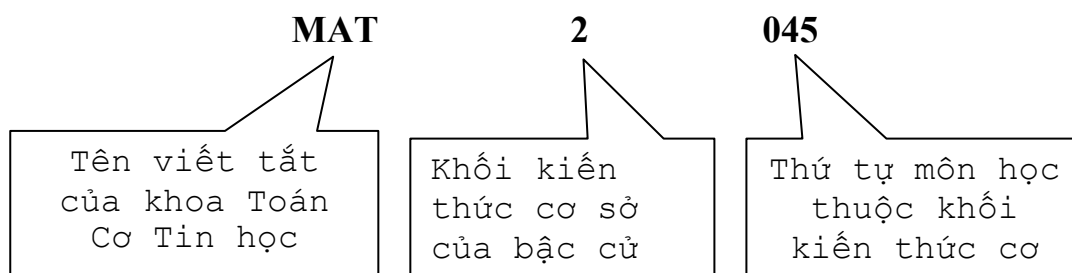
Ví dụ 3: Môn học *Giải tích 1 thuộc khối kiến thức cơ bản của chương trình đào tạo cử nhân do khoa Toán Cơ Tin học trường ĐHKHTN phụ trách*, có mã môn học là: MAT 1065



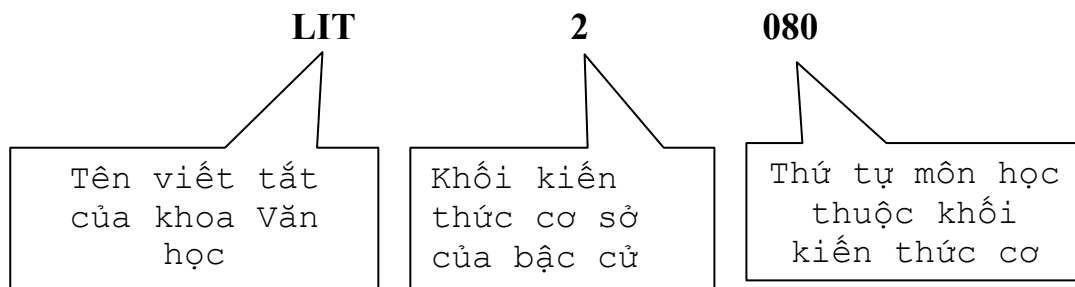
Ví dụ 4: Môn học *Tâm lý học đại cương thuộc khối kiến thức cơ bản của chương trình đào tạo cử nhân do khoa Tâm lý học trường ĐHKHXHNV phụ trách*, có mã môn học là: PSY 1060



Ví dụ 5: Môn học *Hàm phức thuộc khối kiến thức cơ sở của chương trình đào tạo cử nhân do khoa Toán Cơ Tin học trường ĐHKHTN phụ trách*, có mã môn học là: MAT 2045

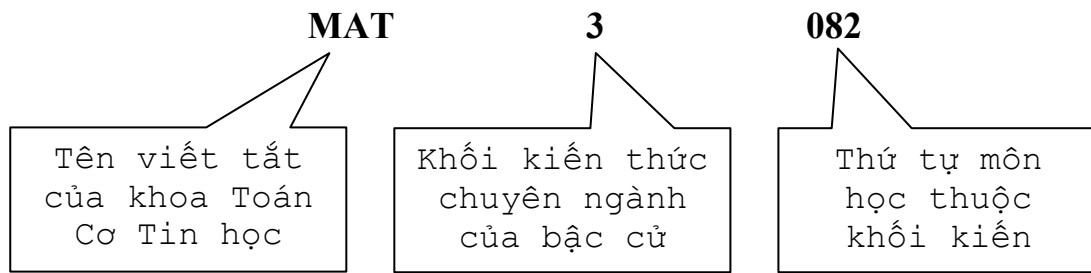


Ví dụ 6: Môn học *Văn học dân gian Việt Nam thuộc khối kiến thức cơ sở* của chương trình đào tạo cử nhân do khoa Văn học trường ĐHKHXHNV phụ trách, có mã môn học là: LIT 2080

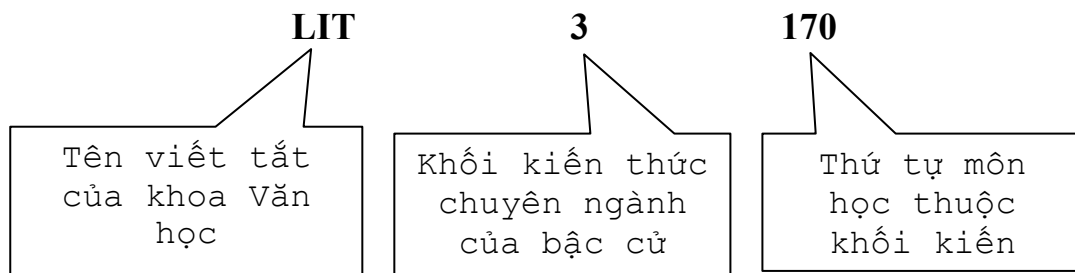


Ví dụ 7: Môn học *Tổ hợp thuộc khối kiến thức chuyên ngành* của chương trình đào tạo cử nhân do khoa Toán Cơ Tin học trường ĐHKHTN phụ trách, có mã môn học là:

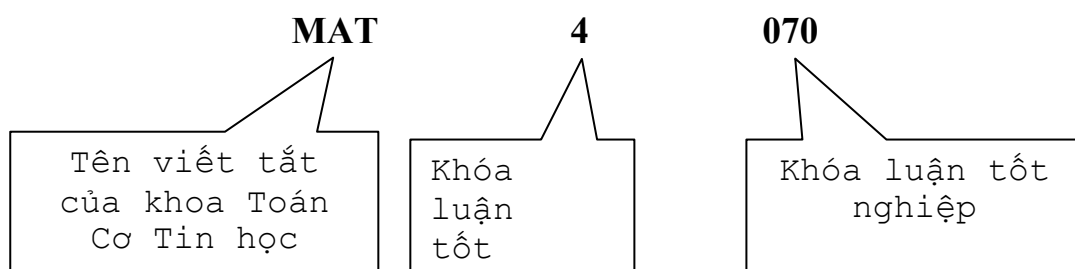
MAT 3082



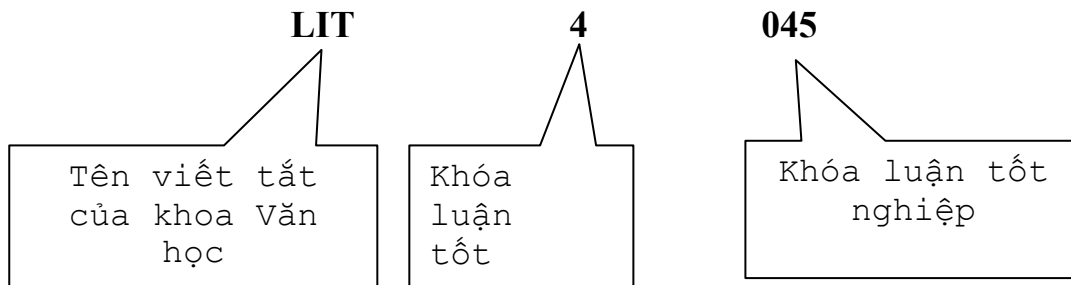
Ví dụ 8: Môn học *Thi pháp Lỗ Tấn thuộc khối kiến thức chuyên ngành* của chương trình đào tạo cử nhân do khoa Văn học trường ĐHKHXHNV phụ trách, có mã môn học là: LIT 3170



Ví dụ 9: Môn học *Khóa luận tốt nghiệp thuộc chương trình đào tạo cử nhân* do khoa Toán Cơ Tin học trường ĐHKHTN phụ trách, có mã môn học là: MAT 4070



Ví dụ 10: Môn học *Khóa luận tốt nghiệp* thuộc chương trình đào tạo cử nhân do khoa Văn học trường ĐHKHXHNV phụ trách, có mã môn học là: LIT 4045

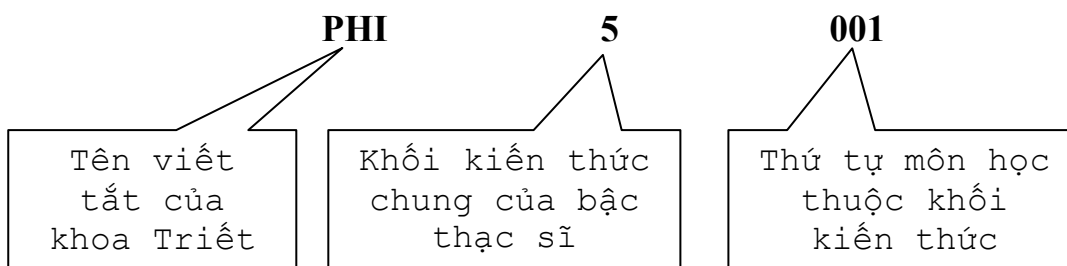


### Phụ lục 3. Mã môn học bậc thạc sĩ

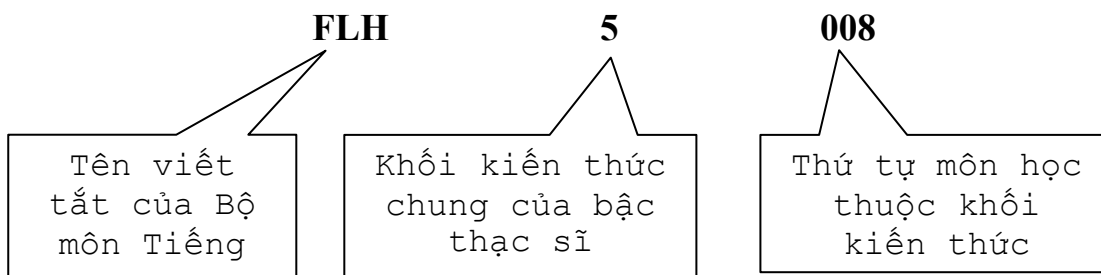
STT	Tên môn học	Mã môn học
01	Triết học	PHI 5001
02	Phương pháp Toán - Tin trong Hóa học phần I	CHE 6045
03	Phức chất trong Hóa phân tích	CHE 7140
04	Luận văn	CHE 7215
05	Ngoại ngữ	FLH 5008
06	Lịch sử văn hóa và tư tưởng Việt Nam	HIS 6035
07	Một số vấn đề về làng xã và nông dân Việt Nam	HIS 7125
08	Luận văn	HIS 7230
...		
...		

Ghi chú:

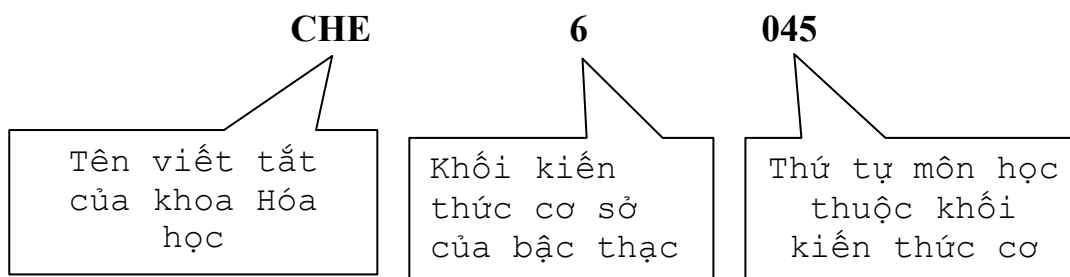
Ví dụ 1: Môn học *Triết học* thuộc khối kiến thức chung của chương trình đào tạo thạc sĩ do khoa Triết học trường ĐHKHXH-NV phụ trách, có mã môn học là: PHI 5001



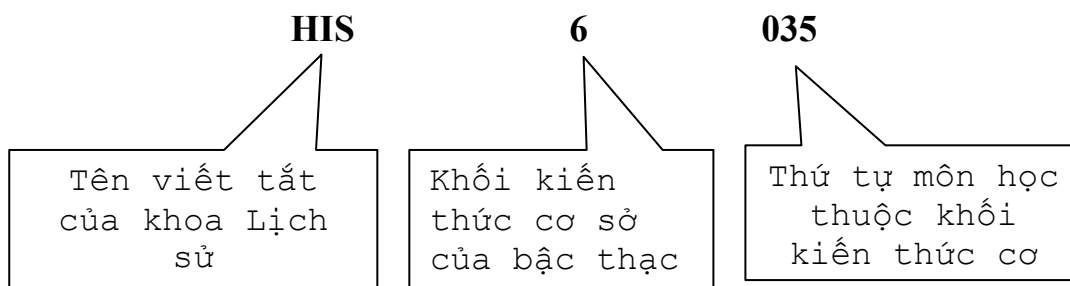
Ví dụ 2: Môn học *Ngoại ngữ thuộc khối kiến thức chung của chương trình đào tạo thạc sĩ do Bộ môn Tiếng nước ngoài của trường ĐHKHXHNV phụ trách, có mã môn học là: FLH 5008*



Ví dụ 3: Môn học *Phương pháp Toán - Tin trong Hóa học phần I thuộc khối kiến thức cơ sở của chương trình đào tạo thạc sĩ do khoa Hóa học trường ĐHKHTN phụ trách, có mã môn học là: CHE 6045*

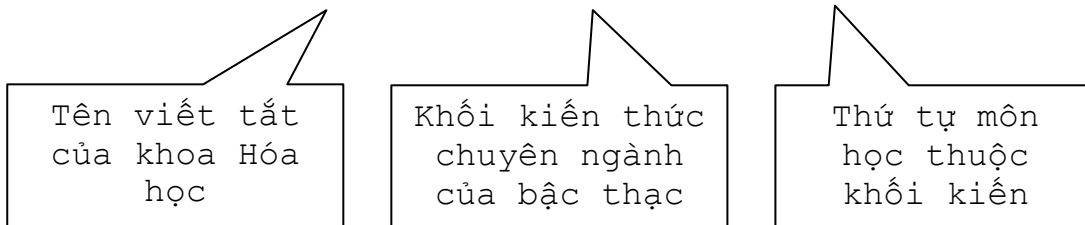


Ví dụ 4: Môn học *Lịch sử văn hóa và tư tưởng Việt Nam thuộc khối kiến thức cơ sở của chương trình đào tạo thạc sĩ do khoa Lịch sử trường ĐHKHXHNV phụ trách, có mã môn học là: HIS 6035*

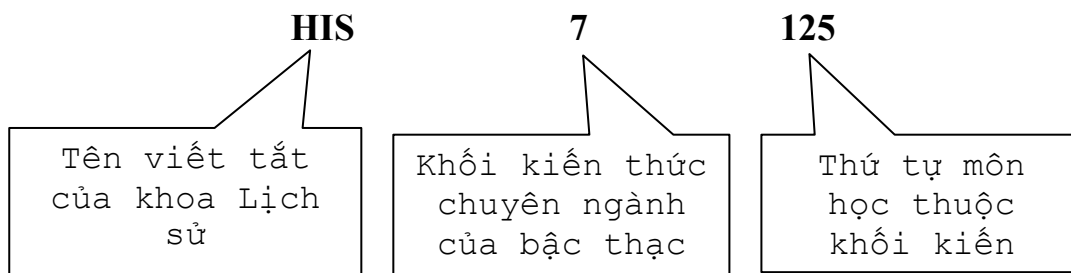


Ví dụ 5: Môn học *Phức chất trong Hóa phân tích thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo thạc sĩ do khoa Hóa học trường ĐHKHTN phụ trách, có mã môn học là: CHE 7140*

**CHE**                      **7**                      **140**



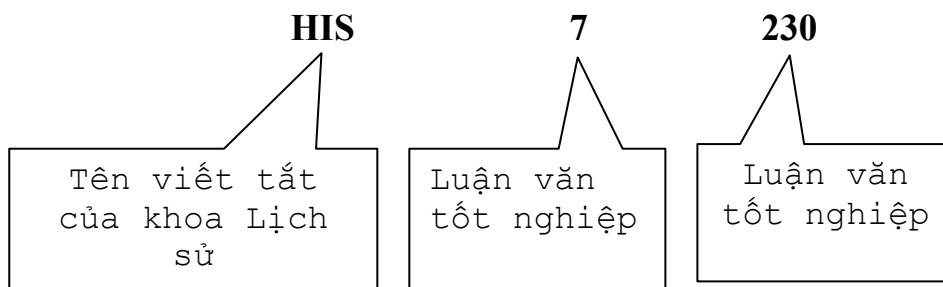
Ví dụ 6: Môn học *Một số vấn đề về làng xã và nông dân Việt Nam thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo thạc sĩ do khoa Lịch sử trường ĐHKHXHNV phụ trách, có mã môn học là: HIS 7125*



Ví dụ 7: Môn học *Luận văn tốt nghiệp thuộc chương trình đào tạo thạc sĩ do khoa Hóa học trường ĐHKHTN phụ trách, có mã môn học là: CHE 7215*



Ví dụ 8: Môn học *Luận tốt nghiệp thuộc chương trình đào tạo thạc sĩ do khoa Lịch sử trường ĐHKHXHNV phụ trách, có mã môn học là: HIS 7230*

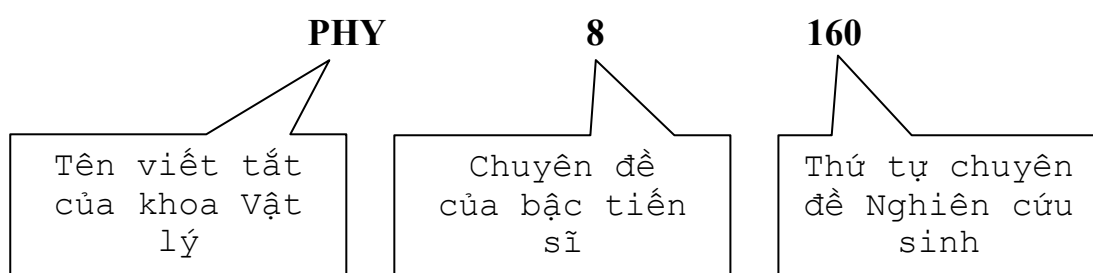


#### Phụ lục 4. Mã môn học bậc tiến sĩ

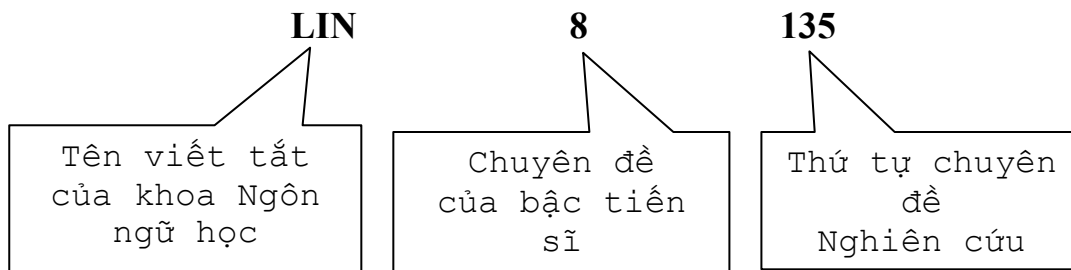
STT	Tên môn học	Mã môn học
01	Vật lý hạt cơ bản	PHY 8160
02	Luận án	PHY 9015
03	Ngữ nghĩa học	LIN 8135
04	Luận án	LIN 9025
...		
...		

Ghi chú:

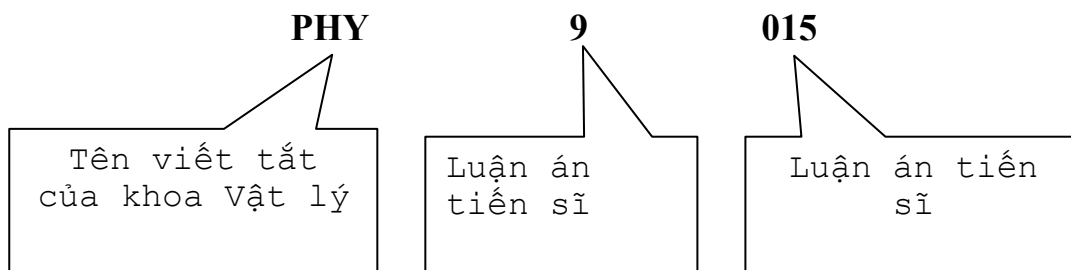
Ví dụ 1: Môn học *Vật lý hạt cơ bản thuộc chuyên đề của chương trình đào tạo tiến sĩ do khoa Vật lý trường ĐHKHTN phụ trách, có mã môn học là: PHY 8160*



Ví dụ 2: Môn học *Ngữ nghĩa học thuộc chuyên đề của chương trình đào tạo tiến sĩ do khoa Ngôn ngữ học trường ĐHKHXHNV phụ trách*, có mã môn học là: LIN 8135



Ví dụ 3: Môn học *Luận án tiến sĩ thuộc chương trình đào tạo tiến sĩ do khoa Vật lý trường ĐHKHTN phụ trách*, có mã môn học là: PHY 9015



Ví dụ 4: Môn học *Luận án tiến sĩ thuộc chương trình đào tạo tiến sĩ do khoa Ngôn ngữ học trường ĐHKHXHNV phụ trách*, có mã môn học là: LIN 9025

